

Bản án số: 06/2025/DS-ST;
Ngày: 18/7/2025;
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Nhó

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trình

Ông Mai Văn Du

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng.

Ngày 18/7/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2025/TLST-DS ngày 21/01/2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95b/2025/QĐXXST-DS ngày 21/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 109A/2025/QĐST-DS ngày 18/6/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1986; Địa chỉ: Tổ A, khối A, phường H (phường T cũ), thành phố Đà Nẵng.

Đại diện theo uỷ quyền có bà Nguyễn Thị Hồng T; sinh năm: 1977. Trú tại: Tổ E, K, phường H (phường C cũ), thành phố Đà Nẵng (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Kim H1, sinh năm 1985 và bà Thái Ngọc Quỳnh N, sinh năm 1986; cùng địa chỉ: C T, phường A (phường H cũ), thành phố Đà Nẵng (ông H1; bà N có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và trình bày của bà đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày: Vào ngày 01/8/2022, bà Nguyễn Thị H có cho ông Nguyễn Kim H1 và bà Thái Ngọc Quỳnh N vay số tiền 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng). Việc vay tiền được ông H1, bà N lập thành Giấy mượn tiền với nội dung: "Hôm nay ngày 01/8/2022, tôi có mượn của chị Nguyễn Thị H; sinh ngày 19/09/1986, số CMND: 205281693 cấp ngày 25/10/2014 tại C với số tiền 650.000.000 đồng (bằng chữ:

Sáu trăm năm mươi triệu đồng chẵn.) Tôi đồng ý trả nợ trong vòng 3 tháng theo thỏa thuận đã cam kết kể từ hôm nay. Thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày 01/8/2022, tức là đến ngày 31/10/2022.

Sau khi hết thời hạn vay theo thỏa thuận, ông Nguyễn Kim H1 và bà Thái Ngọc Quỳnh N vẫn không trả số tiền vay trên. Sau đó, bà H tiếp tục liên hệ với ông H1 và bà N để yêu cầu trả tiền thì ông H1, bà N có trả được 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) số tiền còn nợ lại là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) đến nay vẫn chưa trả.

Nay bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ông H1, bà N còn phải trả tiền gốc là 250.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn với lãi suất 10%/năm kể từ ngày 16/9/2024 cho đến 15/12/2024, cụ thể như sau: Tổng dư nợ: 256.250.000 đồng trong đó nợ gốc: 250.000.000 đồng; tiền lãi: 6.250.000 đồng.

* Bị đơn ông Nguyễn Kim H1 bà Thái Ngọc Quỳnh N trình bày:

Chúng tôi đề nghị Toà án gia hạn thời gian để thu xếp tài chính trả nợ cho bà Nguyễn Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Kim H1 và bà Thái Ngọc Quỳnh N có xác lập giao dịch vay tài sản, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc, lãi nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Nguyễn Kim H1, sinh năm 1985 và bà Thái Ngọc Quỳnh N, sinh năm 1986; cùng địa chỉ: C T, phường A (phường H cũ) thành phố Đà Nẵng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng có thẩm quyền giải quyết.

Về nội dung:

[4] Vào ngày 01/8/2022, bà Nguyễn Thị H có cho ông Nguyễn Kim H1 và bà Thái Ngọc Quỳnh N vay số tiền 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng). Việc vay tiền được ông H1, bà N lập thành Giấy mượn tiền với nội dung: “Hôm nay ngày 01/8/2022, tôi có mượn của chị Nguyễn Thị H; sinh ngày 19/09/1986, số CMND: 205281693 cấp ngày 25/10/2014 tại C với số tiền 650.000.000 đồng (bằng chữ: Sáu trăm năm mươi triệu đồng.) Tôi đồng ý trả nợ trong vòng 3 tháng theo thỏa thuận đã cam kết kể từ hôm nay”. Thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày 01/8/2022, tức là đến ngày 31/10/2022. Sau đó hết thời hạn vay theo thỏa thuận, ông H1 và bà N vẫn không trả số tiền vay cho nên bà H đã nhiều

lần liên hệ yêu cầu trả tiền thì ông H1, bà N có trả được 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) đến ngày 15/9/2024 ông H1 bà N còn nợ bà H số tiền 250.000.000 đồng. Bà H tiếp tục liên hệ yêu cầu trả thì ông H1, bà N vẫn không trả tiền cho bà H.

Nay bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Kim H1, bà Thái Ngọc Quỳnh N trả số tiền gốc là: 250.000.000 đồng và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn với lãi suất 10%/năm kể từ ngày 16/9/2024 cho đến ngày 15/12/2024, cụ thể như sau:

Nợ gốc còn lại: 250.000.000 đồng;(1)

Tiền lãi trên nợ gốc còn lại 250.000.000 đồng kể từ ngày 16/9/2024 đến ngày 15/12/2024 là: $250.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} : 12 \text{ tháng} \times 03 \text{ tháng} = 6.250.000 \text{ đồng}$ (2)

Tổng cộng: (1) + (2) = 256.250.000 đồng (Hai trăm năm mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Hội đồng xét xử xét yêu cầu của các đương sự thì thấy: Giấy mượn tiền đề ngày 01/08/2022 giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Kim H1, bà Thái Ngọc Quỳnh N là Hợp đồng cho vay số tiền 650.000.000 đồng có xác định thời hạn, ông H1 và bà N thỏa thuận sau 3 tháng sẽ hoàn trả số tiền trên. Đến thời hạn trả nợ, ông H1 và bà N mới trả được cho bà H số tiền 400.000.000 đồng. Như vậy vẫn chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, hiện tại còn nợ số tiền là 250.000.000 đồng nợ gốc, và tiền lãi bà H yêu cầu trả là 6.250.000 đồng. Như vậy tổng cộng cả gốc và lãi là 256.250.000 đồng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền của nguyên đơn đối với bị đơn là hoàn toàn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông H1, bà N phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền cả gốc và lãi 256.250.000 đồng.

Đối với ý kiến của ông H1 và bà N về việc gia hạn thời gian để ông, bà thu xếp tài chính trả nợ cho bà Nguyễn Thị H không được nguyên đơn đồng ý nên HĐXX không có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn ông Nguyễn Kim H1 và bà Thái Ngọc Quỳnh N phải chịu $256.250.000 \text{ đồng} \times 5\% = 12.812.500 \text{ đồng}$ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 119, 463, Điều 466 và 470 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 244, 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Nguyễn Kim H1 và bà Thái Ngọc Quỳnh N về việc kiện đòi tiền.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Nguyễn Kim H1 và bà Thái Ngọc Quỳnh N phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 256.250.000 đồng (Hai trăm năm mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Kim H1 và bà Thái Ngọc Quỳnh N không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì ông Nguyễn Kim H1 và bà Thái Ngọc Quỳnh N phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Kim H1 và bà Thái Ngọc Quỳnh N phải chịu là 12.812.500 đồng (mười hai triệu tám trăm mười hai nghìn năm trăm đồng).

Bà Nguyễn Thị H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại số tiền 6.406.250 đồng (mười chín triệu năm trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009467 ngày 20/1/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng (Nay là Phòng Thi hành án Khu vực 3 - Đà Nẵng).

3. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Phòng THADS Khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phùng Văn Nhó

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Văn Du

Nguyễn Văn Trình

Phùng Văn Nhớ

